TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 358/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 22 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 21, khu vực 7, phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Sinh S, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Văn T và bà Lê Thị Mỹ H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Bùi Văn T, bà Lê Thị Mỹ H xác nhận có 03 con chung tên là Bùi Lê Dạ T, sinh ngày 20/8/1991; Bùi Lê Minh T, sinh ngày 12/02/1993 và Bùi Lê Bảo T, sinh ngày 04/7/2005. Ông Bùi Văn T, bà Lê Thị Mỹ H thỏa thuận giao cháu Bùi Lê Bảo T cho bà Lê Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), hiện nay cháu Bùi Lê Bảo T đang ở với bà Lê Thị Mỹ H. Ông Bùi Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Thắng mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 06/2019 cho đến khi cháu Bùi Lê Bảo T thành niên (đủ 18 tuổi). Các cháu Bùi Lê Dạ T và Bùi Lê Minh Tđã trưởng thành nên không yêu cầu về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Văn T, bà Lê Thị Mỹ H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Bùi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí cấp dưỡng ông Bùi Văn T phải chịu là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/007914 ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường An Đông;
(ĐKKH số 56, ngày 10/01/1992)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh